

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

Kiến ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà H'Uyên A Yun.

- Ông Vũ Xuân Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2019/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T về chung sống với chị S vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Anh và chị S chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu, chung sống hạnh phúc được 02 năm thì hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là hai người không có cùng quan điểm, chị S không chịu làm ăn, anh phải đi làm một mình để kiếm sống nuôi con. Đến tháng 4/2019 thì chị S bỏ đi khỏi nhà, anh T hỏi thăm thì nghe nói chị S đi theo một người đàn ông khác. Nay anh T cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với chị S được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị S.

- Về nuôi con chung: Anh T và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/3/2014; cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay, cả 02 cháu đều sống với anh T nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu được nhận nuôi con chung, anh T không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 và cháu T2. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc bị đơn chị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh T là vợ chồng với nhau, trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau một thời gian. Hai người kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ea K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về sống với nhau hạnh phúc được hai năm, sau đó anh T đánh đập chị S nhiều lần, có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn bà khác, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Nay không còn tình cảm với Nguyễn Đức T nhưng nếu anh T muốn chị S đồng ý ly hôn thì phải trả cho chị S một khoản tiền công sức lao động trong thời gian sống với anh T từ năm 2012 cho đến nay thì chị S mới đồng ý ly hôn, nếu anh T không chấp nhận thì chị S không chấp nhận ly hôn.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị S và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/3/2014; cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/10/2016, cả hai cháu đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị S có nguyện vọng để cho anh T nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi trưởng thành. Vì hiện nay chị S không có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay, chị S không có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng cho anh T nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tiền công sức đóng góp về việc tạo lập, phát triển tài sản: Trong thời gian chung sống chung với anh T, chị S có đóng góp công sức vào việc duy trì, phát triển khối tài sản chung, chị S sẽ tính toán lại và yêu cầu cụ thể sau.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho anh Nguyễn Đức T ly hôn với chị Sép, cần giao con chung là Nguyễn Minh T1; cháu Nguyễn Thanh T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và các khoản nợ: Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức T và chị S là vợ chồng. Do tính cách khác nhau nên trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Đức Tài và chị S chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 10/4/2012. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai người khác nhau, không còn chung quan điểm và cách sống, thường xuyên xảy ra cãi vã; anh T thì cho rằng chị Sép không chăm lo làm ăn, đi theo người đàn ông khác, còn chị S thì cho rằng anh T có quan hệ với người đàn bà khác, thường đánh đập chị. Qua xác minh tại địa phương thì được cung cấp: Anh T và chị S thường xuyên ghen tuông nhau, anh T có đánh chị S, chị hội phụ nữ thôn đã nhiều lần hòa giải, đã ly thân với nhau từ tháng 4/2019 cho đến nay. Vì vậy, anh T và chị S không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Tại phiên tòa, anh T và chị S cũng đồng ý ly hôn với nhau. Vì vậy, đề giải phóng sự ràng buộc giữa hai người cần cho anh T và chị S được ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/3/2014; cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/10/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị S đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, tuy các con chung còn nhỏ nhưng anh T đang trực tiếp chăm sóc các cháu. Mặt khác, chị S cũng có nguyện vọng giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển về mọi mặt của các cháu cũng như khả năng nuôi dạy con của cả hai người, cần giao cháu T1 và cháu T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đ Tài và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Nguyễn Đức T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về yêu cầu tiền công sức đóng góp vào việc duy trì, phát triển khối tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S cho rằng thời gian kết hôn với anh T, chị có đóng góp công sức vào việc duy trì, phát triển khối tài sản chung, nhưng chị không đưa ra yêu cầu cụ thể, Tòa án đã yêu cầu nhưng chị S có ý kiến sẽ tính toán lại và yêu cầu cụ thể sau, nhưng chị vẫn không có yêu cầu cụ thể cung cấp để giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tách ý kiến của chị S về việc trả tiền công sức đóng góp vào việc duy trì, phát triển khối tài sản chung, chị S có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự: Cần buộc anh Nguyễn Đức T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn với và chị S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/3/2014; cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/10/2016 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Chị S có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Nguyễn Đức T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Về yêu cầu tiền công sức đóng góp vào việc duy trì, phát triển khối tài sản: Chị S cho rằng, chị có đóng góp công sức vào việc duy trì, phát triển khối tài sản chung trong thời gian kết hôn với anh T, nhưng chị không đưa ra yêu cầu cụ thể. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách ý kiến của chị S về việc trả tiền công sức đóng góp vào việc duy trì, phát triển khối tài sản chung, chị S có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác dân sự khác khi có yêu cầu.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2019/0001099, ngày 30/9/2019.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T, bị đơn chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa